



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VI/2015



HÀ NỘI, THÁNG VII/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Website: <http://www.imh.ac.vn>

MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2015	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	8
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	11
9. Vùng Nam Bộ.....	12
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2015	13
1. Đối với cây lúa	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	16
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2015.....	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VI/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN $0,2^{\circ}\text{C}$ đến $3,1^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -200mm đến 212mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -52 giờ đến 86 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -18% đến 5%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VI/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

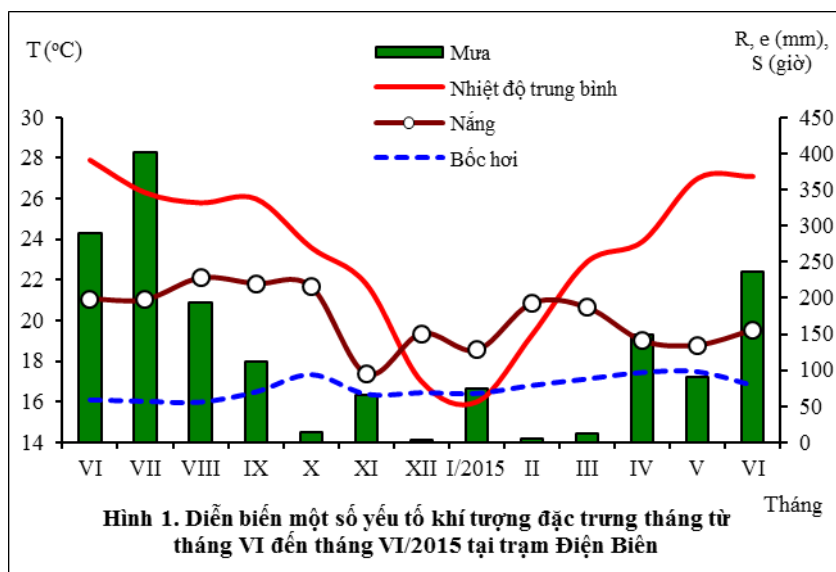
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,6$ đến $2,3^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $21,2^{\circ}\text{C}$ đến $30,3^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $19,2^{\circ}\text{C}$ đến $26,7^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $17,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/VI tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $25,2^{\circ}\text{C}$ đến $36,3^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $39,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 01/VI tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI/2014 đến tháng VI/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-114mm đến 106mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 158mm đến 505mm .



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Điện Biên

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 50mm đến 150mm, cao nhất là 220mm vào ngày 25/VI tại Sơn La.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 đến 25 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến tháng VI/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 10 giờ đến 70 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 114 giờ đến 237 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2015 dao động từ 67% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -18% đến -1%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 03/VI tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VI/2015 có giá trị phổ biến từ 45mm đến 106mm, cao nhất là 128mm tại Phù Yên. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-453mm đến -30mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 8mm, cao nhất 11mm tại Phù Yên.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 15 ngày, trong đó một số nơi có 4 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 22 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VI/2015 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN ($1,2^{\circ}\text{C}$ đến $3,1^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

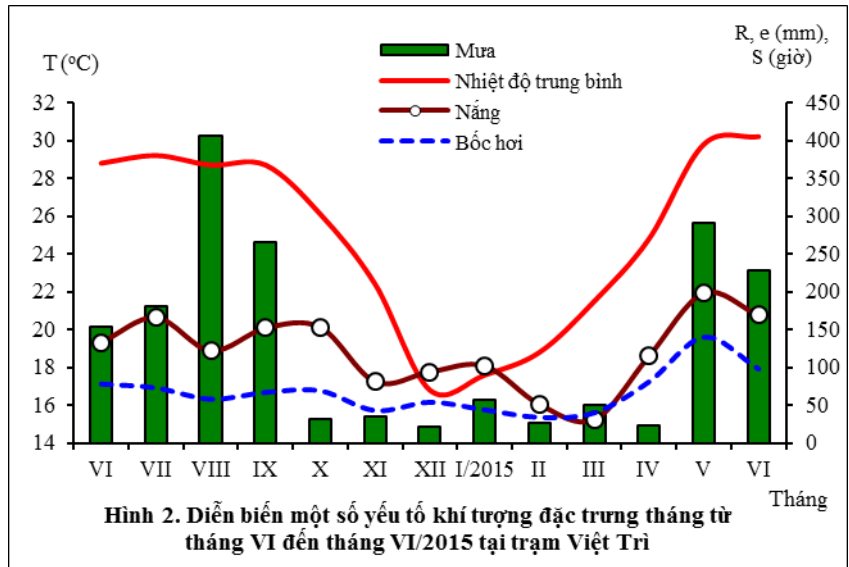
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $20,9^{\circ}\text{C}$ đến $30,7^{\circ}\text{C}$;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $18,4^{\circ}\text{C}$ đến $27,1^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $16,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/VI tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $24,3^{\circ}\text{C}$ đến $35,4^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí cao nhất là $40,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 1/VI tại Văn Chấn.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 73mm đến 398mm, cao nhất là 1147mm tại Bắc Quang, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Việt Trì

(-225mm đến 246mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng I đến tháng VI/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14mm đến 135mm, cao nhất là 194mm xảy ra vào ngày 27/VI tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 10 - 22 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 133 giờ đến 193 giờ, cao nhất là 197 giờ (Chiêm Hóa), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 56 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2015 phổ biến từ 75 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28%, xảy ra vào ngày 12/VI tại Việt Trì.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 53mm đến 107mm, cao nhất là 110mm tại Thái Nguyên, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1076mm đến -34mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 7mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày, một số nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 8 đến 21

ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 0,6⁰C); có giá trị dao động từ 26,0⁰C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 29,0⁰C (Lục Ngạn và Bắc Giang) (hình 10).

- Nhiệt độ

không khí cao nhất trung bình từ 30,9⁰C (Trùng Khánh) đến 34,1⁰C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,2⁰C xảy ra vào các ngày 09/VI tại Lục Ngạn và ngày 21/VI tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,6⁰C (Trùng Khánh) đến 26,2⁰C (Uông Bí), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,0⁰C xảy ra vào ngày 12/VI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lữ được thể hiện trên hình 3.

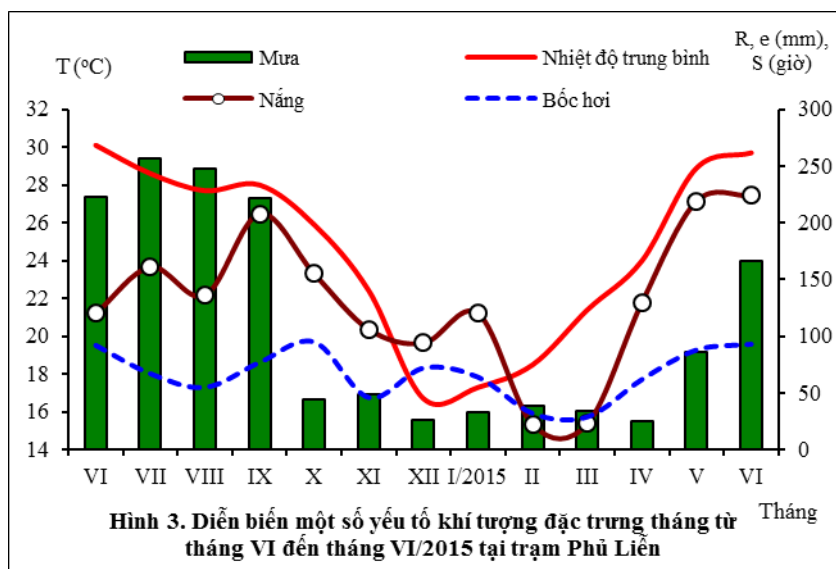
3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VI/2015 dao động phổ biến từ 72mm đến 391mm, cao nhất là 408mm tại Tiên Yên, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-168mm đến 113mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 32 đến 120mm, cao nhất là 122mm xảy ra vào ngày 05/VI tại Bãi Cháy.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lữ) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (13 giờ đến 31 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Phù Lữ

trong khoảng từ 135 giờ (Uông Bí) đến 190 giờ (Phù Liễn), cao nhất là 193 giờ tại Lạng Sơn.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 78 đến 85%, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 12/VI tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 94mm, cao nhất là 95mm tại Lục Ngạn. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-339mm đến -32mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 6mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, trong đó tại Bảo Lạc có 1 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 14 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,9⁰C (Văn Lý và Thái Bình) đến 30,0⁰C (Láng), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3⁰C đến 1,2⁰C) (hình 10);

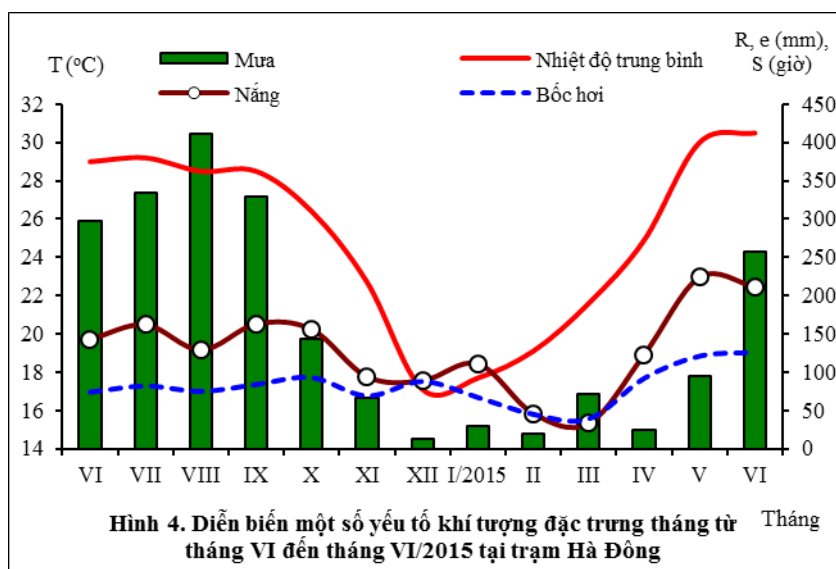
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung

bình tháng từ 31,5⁰C (Văn Lý) đến 34,6⁰C (Hưng Yên), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,2⁰C xảy ra vào ngày 09/VI tại Phủ Lý;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,9⁰C (Ninh Bình) đến 27,0⁰C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,7⁰C xảy ra vào ngày 13/VI tại Ninh Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Hà Đông

giá trị TBNN từ (-132mm đến 34mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 74mm đến 237mm, cao nhất là 263mm tại Nho Quan.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 20 đến 96mm, cao nhất là 179mm xảy ra vào ngày 24/VI tại Nho Quan; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 129 giờ (Hưng Yên) đến 187 giờ (Hải Dương), cao nhất là 191 giờ tại Văn Lý; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -52 giờ đến -17 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% (Láng) đến 83% (Văn Lý), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-9% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 12/VI tại Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 80mm (Sơn Tây) đến 121mm (Văn Lý), cao nhất là 132mm tại Hưng Yên; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -157mm đến 38mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, trong đó một số nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 5 đến 14 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4⁰C đến 0,6⁰C (hình 10) và có giá trị từ 28,0⁰C (Hồi Xuân) đến 29,8⁰C (Vinh).

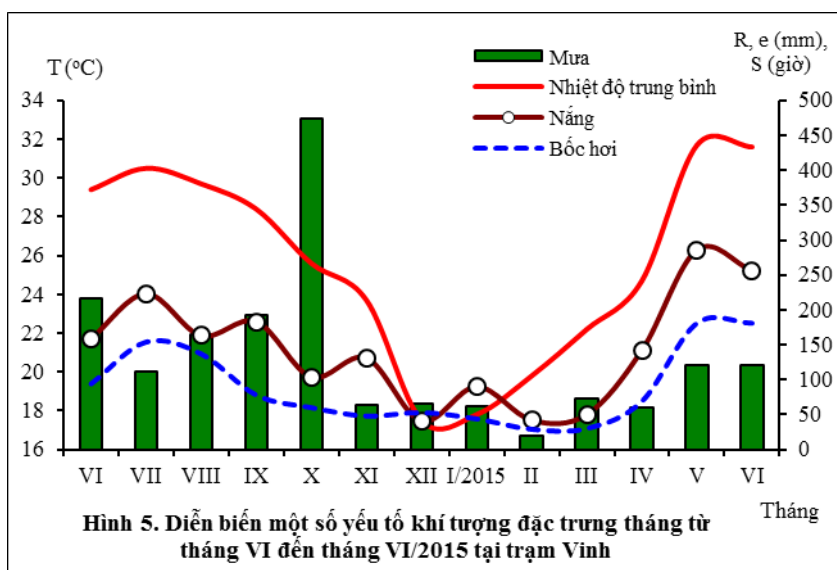
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,0⁰C (Quỳnh Lưu) đến 34,8⁰C (Hồi Xuân), *giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,2⁰C xảy ra vào ngày 09/VI tại Như Xuân và Tĩnh Gia, đây là giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng cao nhất toàn quốc.*

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,1⁰C (Quỳ Châu và Tương Dương) đến 26,4⁰C (Vinh và Hà Tĩnh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18,5⁰C xảy ra vào ngày 13/VI tại Quỳ Châu. Biến trình nhiệt độ không

khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 85mm đến 344mm, cao nhất là 349mm tại Đô Lương. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-64mm đến 218mm) (hình 11).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Vinh

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 44 đến 313mm, cao nhất là 322mm, xảy ra vào ngày 23/VI tại Đô Lương, đây là giá trị lượng mưa ngày cao nhất toàn quốc.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 16 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 104 (Quỳ Châu) đến 224 giờ (Vinh), cao nhất là 233 giờ (Kỳ Anh); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -62 giờ đến 38 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 70% (Hà Tĩnh) đến 81% (Hồi Xuân, Yên Định và Tương Dương), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26% xảy ra vào ngày 13/VI tại Hà Tĩnh, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 172mm, cao nhất là 182mm tại Quỳ Châu; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 10mm, cao nhất là 11mm, xảy ra vào ngày 09/VI tại Như Xuân và Kỳ Anh, đây là giá trị bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-216mm đến 41mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 16 ngày;

hiều nơi trong đó có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 13 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2015 từ $25,9^{\circ}\text{C}$ (Khe Sanh) đến $29,6^{\circ}\text{C}$ (Đà Nẵng và Quảng Ngãi), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-0,8^{\circ}\text{C}$ đến $0,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung

bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $30,6^{\circ}\text{C}$ (Khe Sanh) đến $35,3^{\circ}\text{C}$ (Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là $39,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 10/VI tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $22,8^{\circ}\text{C}$ (Khe Sanh) đến $26,3^{\circ}\text{C}$ (Ba Đồn), giá trị nhiệt độ thấp nhất là $17,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/VI tại Khe Sanh.

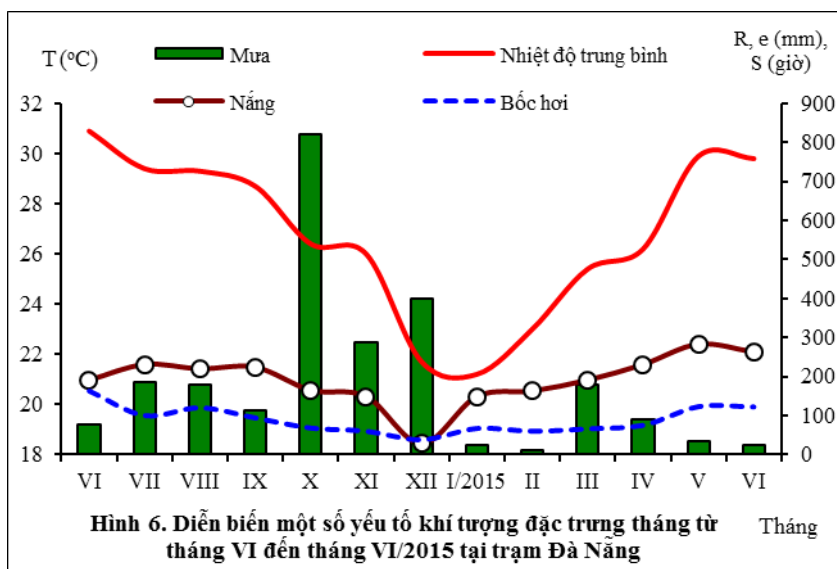
6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VI/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 24mm đến 270mm, cao nhất là 282mm tại Đông Hà. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-153mm đến 168mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8 đến 82mm, cao nhất là 148mm xảy ra vào ngày 11/VI tại Đông Hà.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 10 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng I đến tháng VI/2015 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Đà Nẵng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 184 giờ đến 226 giờ, *cao nhất là 237 giờ tại Đà Nẵng, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc.* Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-60 giờ đến 17 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 27/VI tại Huế và Đà Nẵng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 55mm đến 131mm, cao nhất là 149mm tại Đồng Hới. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm, *cao nhất là 11mm, cùng với Như Xuân và Kỳ Anh, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc.* Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-197mm đến 106mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 14 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 4 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 20 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2015 từ 28,1⁰C (Phan Rang) đến 29,7⁰C (Quy Nhơn), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3 đến 0,5⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,3⁰C (Phú Quý) đến 33,7⁰C (Tuy Hòa), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,6⁰C xảy ra vào ngày 10/VI tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,9⁰C (Hoài Nhơn) đến 27,4⁰C (Quy Nhơn), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,4⁰C, xảy ra vào ngày 15/VI tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng I đến tháng VI/2015 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 41mm đến 151mm, cao nhất là 269mm tại Phú Quý. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -42mm đến

124mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng I đến tháng VI/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19mm đến 67mm, cao nhất là 68mm, xảy ra vào ngày 14/VI tại Tuy Hòa.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 13 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 7 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 180 giờ (Phan Thiết) đến 204 giờ (Tuy Hòa), cao nhất là 208 giờ tại Hoài Nhơn; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-41 giờ đến -30 giờ);

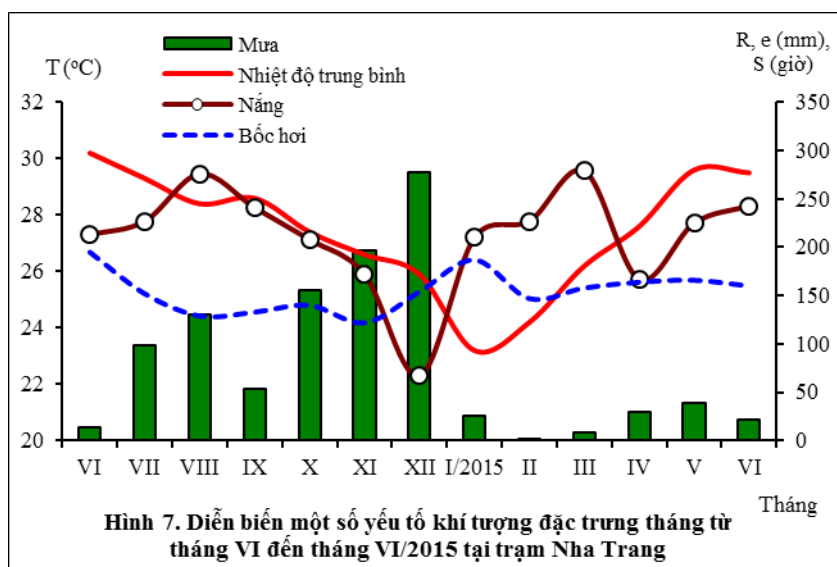
- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% (Quy Nhơn) đến 86% (Phú Quý), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 09/VI tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 77mm đến 118mm, cao nhất là 126mm tại Tuy Hòa và Nha Trang. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-192mm đến 66mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 10 ngày.



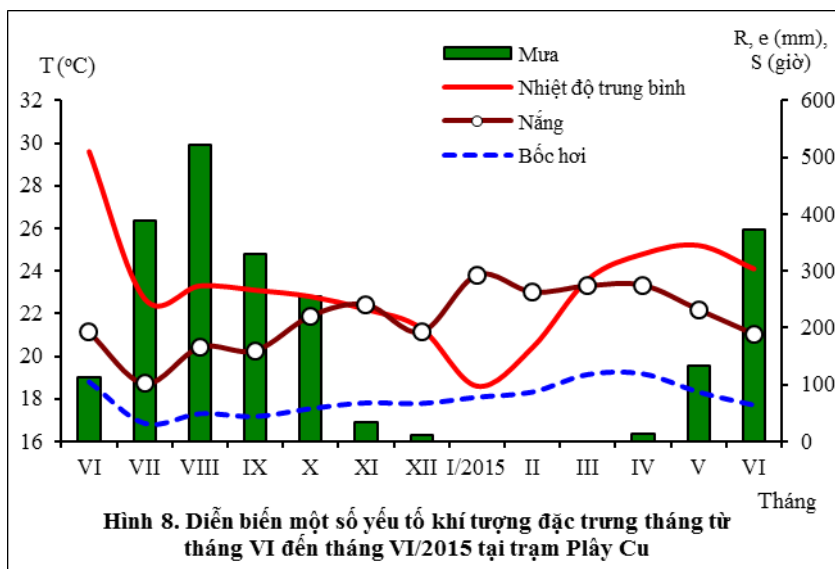
8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2015 từ $19,6^{\circ}\text{C}$ (Đà Lạt) đến $27,8^{\circ}\text{C}$ (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,2^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $24,0^{\circ}\text{C}$ (Đà Lạt) đến $32,5^{\circ}\text{C}$ (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $35,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 09/VI tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,9^{\circ}\text{C}$ (Đà Lạt) đến $24,8^{\circ}\text{C}$ (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $15,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 06/VI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng I đến tháng VI/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Plây Cu

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2015 dao động từ 155mm đến 411mm, cao nhất là 441mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -118mm đến 173mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 34mm đến 76mm, cao nhất là 77mm vào ngày 22/VI tại Đắk Nông. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 18 đến 25 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 24 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng I đến tháng VI/2015 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2015 phổ biến từ 105 giờ (Kon Tum) đến 170 giờ (Ayunpa), cao nhất là 178 giờ tại Buôn Ma Thuột. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-42 giờ đến -12 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 7% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 81% (Ayunpa) đến

89% (Đắk Nông); độ ẩm không khí thấp nhất là 51% xảy ra vào ngày 29/VI tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30mm (Đà Lạt) đến 76mm (Ayunpa), cao nhất là 81mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-401mm đến -326mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện 3 ngày tại Ayunpa, với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 11 đến 19 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2015 từ 26,5⁰C (Phước Long) đến 29,0⁰C (Tân Sơn Nhất), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,5⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung

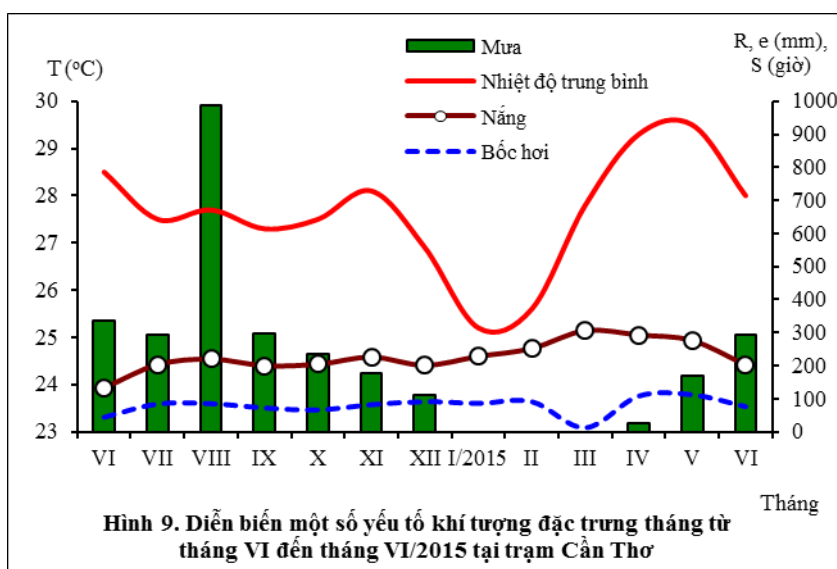
bình tháng từ 31,1⁰C (Rạch Giá) đến 33,5⁰C (Tây Ninh), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,7⁰C xảy ra vào ngày 11/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,8⁰C (Phước Long) đến 26,4⁰C (Vũng Tàu và Rạch Giá), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,4⁰C xảy ra vào ngày 13/VI tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng I đến tháng VI/2015 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2015 dao động phổ biến từ 93mm đến 316mm, cao nhất là 449mm tại Rạch Giá. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-139mm đến 188mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 30mm đến 65mm, cao nhất là 83mm xảy ra vào ngày 12/VI tại Rạch Giá.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2015 tại trạm Cần Thơ

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 10 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 16 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2015 phổ biến từ 105 giờ (Bạc Liêu) đến 180 giờ (Đồng Phú), cao nhất là 195 giờ tại Tây Ninh; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-85 giờ đến 23 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% (Tân Sơn Nhất) đến 89% (Phước Long), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 51% xảy ra vào ngày 06/VI tại Châu Đốc và ngày 26/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 7mm đến 93mm, cao nhất là 103mm tại Rạch Giá (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-346mm đến -21mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 19 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2015

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng VI/2015 ở hầu hết các khu vực đều không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nền nhiệt tuy cao hơn TBNN nhưng số giờ nắng, lượng mưa và độ ẩm không khí ở nhiều nơi thấp hơn TBNN. Do ảnh hưởng của các đợt nắng kéo dài và các đợt gió tây khô nóng với cường độ mạnh làm lượng bốc hơi cao, trong đó các tỉnh thuộc Miền Trung có lượng bốc hơi cao hơn nhiều so với lượng mưa gây thiếu nước cho sản xuất vụ mùa và vụ hè thu.

Trong tháng, sản xuất nông nghiệp miền Bắc chủ yếu tập trung vào thu hoạch lúa đông xuân. Các địa phương miền Nam đã thu hoạch xong lúa đông xuân và đang tập trung xuống giống lúa hè thu.

1. Đối với cây lúa

Lúa hè thu: Tính đến cuối tháng, tổng diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.065 ngàn ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam đạt gần 1.915,5 ngàn ha, bằng 98.5% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL

đạt hơn 1.660 ngàn ha, bằng 80,2% so với cả nước. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt gần 626,5 ngàn ha, chiếm 32,7% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 617 ngàn ha, bằng 37% diện tích xuống giống. Năm nay thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp và bất thường, nắng nóng khô hạn xảy ra trên diện rộng, nhiệt độ cao kéo dài, mực nước các sông suối đều giảm mạnh, gây khó khăn cho công tác gieo trồng cũng như chăm sóc lúa hè thu trên cả nước. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch của các tỉnh miền Nam đạt hơn 59,4 tạ/ha, tương đương cùng kỳ năm trước.

Lúa thu đông: Tính đến cuối tháng các tỉnh Đồng bằng sông Cửu long đã xuống giống đạt hơn 333,8 ngàn ha lúa thu đông, cao hơn 41,6 ngàn ha tương ứng 14,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích lúa thu đông năm nay tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang và Vĩnh Long. Một số địa phương khuyến cáo nông dân chỉ xuống giống trong vùng đê bao đảm bảo vượt lũ an toàn, đảm bảo thời gian cách ly giữa các vụ. Hiện lúa thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng, sinh trưởng và phát triển khá.

Lúa mùa: Tính đến cuối tháng 7, cả nước đã gieo cấy đạt gần 1.176,3 ngàn ha lúa mùa, bằng 98% so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với diện tích gieo cấy đạt 1002,8 ngàn ha, bằng 98% cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam cũng đã xuống giống đạt 173,5 ngàn ha, bằng 98,1% so với cùng kỳ.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VI/2015

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa bén rễ hồi xanh, đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí				
		Lạng Sơn	Lúa xuân trở bông	TB	3cm	
			Ngô	TB	TB	
		Bắc Giang				

	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn nảy chồi	TB	TB	
		Ba Vì	Chè lớn búp hái	TB	TB	Phồng lá 51-60%
	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
		Hoài Đức	Lạc hình thành củ	Khá	ảm	
			Ngô chín hoàn toàn	TB	TB	
			Cam ra lá mới	Kém	ảm	
		Hung Yên	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ảm	
		Nam Định	Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5	Khá	3cm	
		Ninh Bình	Lúa mùa lá thứ 3	TB	Quá ảm	
		Hải D- ơng	Chuyển vụ			
		Thái Bình	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ảm	
	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu t- ơng lá kép thứ 3, mọc mầm	TB	TB	
			Lạc lá thật thứ 3	TB	TB	
		Thanh Hoá	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	10cm	
		Đô Lương	lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
	Trung Trung Bộ	Huế				
	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu lá thứ 3	Khá	3cm	
		An Nhơn	Lúa hè thu mọc dón	Khá	4cm	
	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ảm	
		Trà Nóc	Lúa hè mọc mầm	Khá	ảm	
		Mỹ Tho	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
		Bạc Liêu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB, Khá	Quá ảm	

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thời tiết trong tháng cũng khá thuận lợi cho các cây lâu năm và các cây trồng hàng năm khác.

Ngoài việc gieo trồng thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Tính đến cuối tháng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt 1.412 ngàn ha, giảm 3,44% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích ngô đạt 828,2 ngàn ha, khoai lang đạt 107,8 ngàn ha, sắn đạt gần 450,9 ngàn ha,

Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt hơn 500,9 ngàn ha, trong đó diện tích lạc đạt 167 ngàn ha, diện tích đậu tương đạt gần 76,2 ngàn ha, thuốc lá đạt 26,9 ngàn ha, mía đạt gần 188,9 ngàn ha, và diện tích rau, đậu các loại 687,5 ngàn ha.

Tại Hoài Đức lạc ở giai đoạn hình thành củ, sinh trưởng khá trên nền đất ẩm. Ngô chín hoàn toàn, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng khá ở Mộc Châu. Chè lớn ở Phú Hộ đang nảy chồi, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình. Chè ở Ba Vì ở giai đoạn lớn búp hái, sinh trưởng trung bình, bị phòng lá 51-60%.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên trên đất ẩm trung bình; sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc; nền đất quá ẩm.

3. Tình hình sâu bệnh

- *Ốc bươu vàng*: Gây hại tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 31.495,1 ha trong đó diện tích bị nhiễm nặng 1.310,5 ha.

- *Rầy nâu - rầy lưng trắng*: Tổng diện tích nhiễm 16.898 ha, diện tích bị nhiễm nặng 12 ha. Bệnh tập trung chủ yếu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm toàn quốc là 18.627 ha, diện tích nhiễm nặng 14 ha. Sâu cuốn lá nhỏ tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đạo cổ bông*: Tổng diện tích nhiễm 5.068 ha, bệnh hại chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đạo ôn lá*: Gây hại ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 40.369 ha, diện tích nhiễm nặng 90,1 ha.

- *Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá*: Gây hại trên diện hẹp tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp với diện tích nhiễm 188,3 ha, diện tích bị nặng 2 ha.

- *Chuột*: Tổng diện tích hại 6.420 ha, diện tích bị nặng 39 ha, chủ yếu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Sâu đục thân*: Diện tích nhiễm sâu non 2.198 ha, sâu gây hại chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh bạc lá*: Tổng diện tích nhiễm 11.402 ha, diện tích nhiễm nặng 2 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 13.363 ha, diện tích nhiễm nặng 58 ha tập trung tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Các đối tượng dịch hại khác như: bọ trĩ, bọ xít dài, bọ xít đen...gây hại nhẹ trên phạm vi hẹp

Đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm:

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2015 gặp nhiều khó khăn. Thời tiết khắc nghiệt, hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài. 6 tháng đầu năm sản xuất nông nghiệp cả nước tập chung chủ yếu vào nhiệm vụ sản xuất vụ Đông xuân, bên cạnh đó là công tác chuẩn bị vụ Mùa ở phía Bắc và gieo trồng vụ Hè thu ở phía Nam. Hiện nay các địa phương phía Bắc đang vào mùa thu hoạch các cây trồng vụ Đông xuân, chuẩn bị công tác gieo cấy cho vụ Mùa. Các địa phương phía Nam cơ bản đã thu hoạch xong lúa Đông xuân và tiến hành xuống giống các loại cây trồng vụ Hè thu.

Sản xuất vụ Đông Xuân năm nay chịu ảnh hưởng tình hình hạn hán diễn ra khốc liệt tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Trong năm 2015 ghi nhận nắng nóng gay gắt với nền nhiệt tháng 5 cao hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ với chuẩn sai nhiệt độ phổ biến từ 3-4 độ C. Từ đầu năm 2015 đến trung tuần tháng 6, lượng mưa trong khu vực rất thấp, trong đó một số điểm không mưa như Phan Rang, Phan Thiết, Phú Quý.

Ngay từ đầu năm nay, tình hình khô hạn ở các tỉnh Nam Trung Bộ đã hết sức căng thẳng, 20 hồ chứa nước- nguồn sống của bà con Ninh Thuận bị cạn, đất nông nghiệp buộc phải bỏ hoang, nông dân mất dần sinh kế, đời sống đảo lộn. Đến đầu tháng 6/2015, dung tích hữu ích của các hồ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đạt khoảng 16% so với thiết kế; tỉnh Ninh Thuận hầu như không còn; tỉnh Bình Thuận còn khoảng 21%. Trong vụ Đông xuân, hạn hán, thiếu nước đã xảy ra gay gắt ở các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa: Ninh Thuận có 6.100 ha đất lúa không có nước để sản xuất, 2.079 ha bị hạn (mất trắng 501 ha, giảm năng suất 1.578 ha). Tỉnh Khánh Hòa có 571 ha dừng sản xuất, 600ha chuyển đổi sang cây trồng cạn, 2.998ha cây trồng.

Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Tổng diện tích thiếu nước, hạn hán cao nhất là 95.053ha (Đắc Lắc 61.466 ha, mất trắng 4.364 ha; Đắc Nông 16.760 ha, Gia Lai 8.956ha; Bình Phước 7.800ha...

Khu vực Đồng bằng sông cửu Long, nhiều diện tích bị thiếu nước tưới: Tiền Giang 1.049ha; Trà Vinh 10.000ha; Sóc Trăng 7.159ha; Bạc Liêu 1.700ha..

Bên cạnh đó, tình hình sâu bệnh gây hại cho cây trồng, đặc biệt là bệnh đạo ôn, rầy nâu, rầy lưng trắng, chuột,... đang có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng các loại cây trồng. Kết quả sản xuất lúa vụ Đông xuân năm nay kém cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa Đông xuân năm nay ước tính đạt 66,5 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha so với vụ Đông xuân năm trước; sản lượng ước đạt 20,7 triệu tấn, giảm 153 nghìn tấn (-0,7%).

Cây ngô: Diện tích đạt 579,7 nghìn ha, giảm 29,6 nghìn ha (-4,9%) so cùng kỳ năm trước; sản lượng đạt 2474,2 nghìn tấn, giảm 43,3 nghìn tấn (-1,7%). Khoai lang đạt 856,9 nghìn tấn, tăng 14,7 nghìn tấn (+1,7%); Đậu tương đạt 77,6 nghìn tấn, giảm 4,7 nghìn tấn (-5,7%); Lạc đạt 354,6 nghìn tấn, tăng 4,6 nghìn tấn (+1,3%); Rau các loại đạt 8628 nghìn tấn, tăng 244 nghìn tấn (+2,9%) so cùng kỳ năm trước.

Các cây ăn quả, cây công nghiệp có tăng nhưng cũng chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ: Sản lượng chè ước đạt 442 nghìn tấn, tăng 2,4%; Sản lượng cao su ước đạt 315 nghìn tấn tăng 0,6%; Sản lượng hồ tiêu ước đạt 126 nghìn tấn tăng 5,4%; Sản lượng điều ước đạt 336 nghìn tấn, tăng 1%; Sản lượng cam ước đạt 249 nghìn tấn, tăng 1,4%; Sản lượng vải đạt 350,7 nghìn tấn, tăng 14%; Sản lượng chuối, dưa tăng nhẹ.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2015

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VII, VIII, IX năm 2015 cho thấy nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; hụt chuẩn xảy ra chủ yếu ở khu vực ven biển Bắc Bộ với xác suất 66 - 77%. Chuẩn sai nhiệt độ chủ yếu dao động từ -0,5 đến 1°C.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và một phần diện tích Đông Nam Bộ với xác suất từ 55 đến 77%; vượt chuẩn ở đại bộ phận diện tích phía Bắc và đa phần diện tích Tây Nam

Bộ với xác suất từ 55-77%. Chuẩn sai của lượng mưa chủ yếu dao động trong khoảng từ -200 đến 200mm ở hầu hết diện tích cả nước.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VII-IX trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 5 - 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VII-IX.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VII, VIII và IX/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho thu hoạch lúa đông xuân và chuẩn bị gieo cấy lúa mùa do có nền nhiệt độ và số giờ nắng cao;

- Trong những tháng tiếp theo, có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có sự chuẩn bị để đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

2. Miền Nam

- Tập trung chăm sóc lúa hè thu đang trong giai đoạn đẻ nhánh;

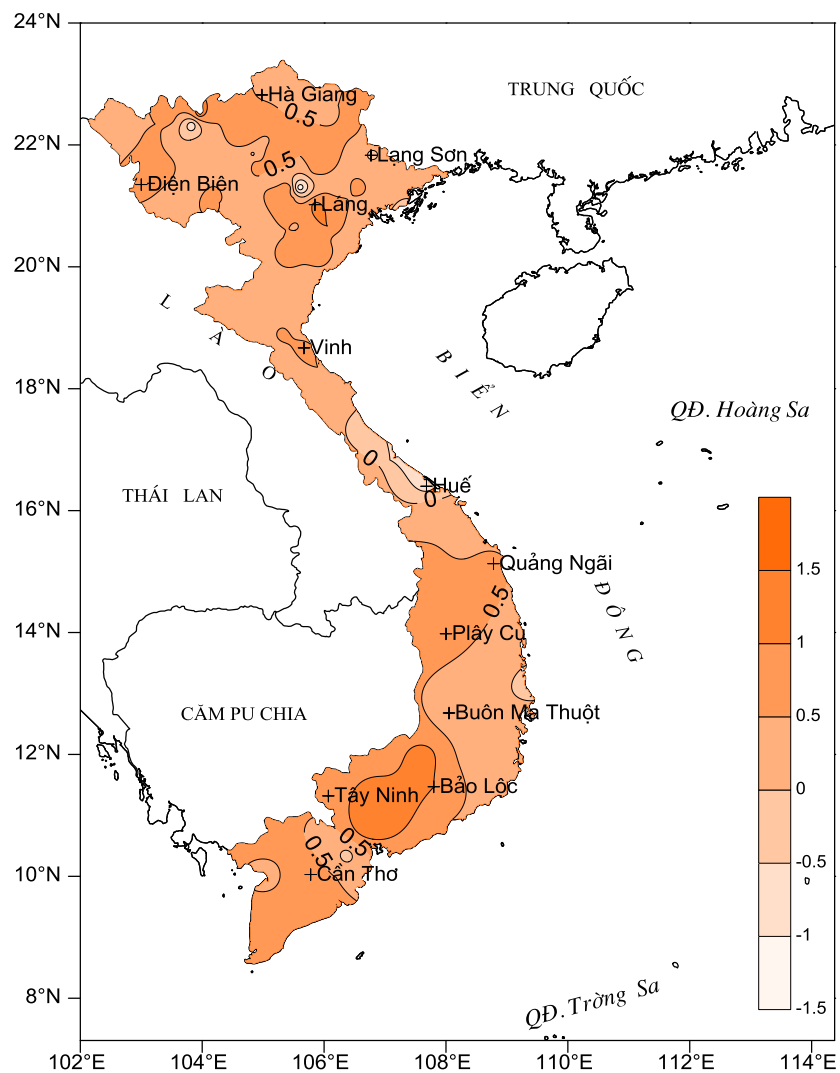
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

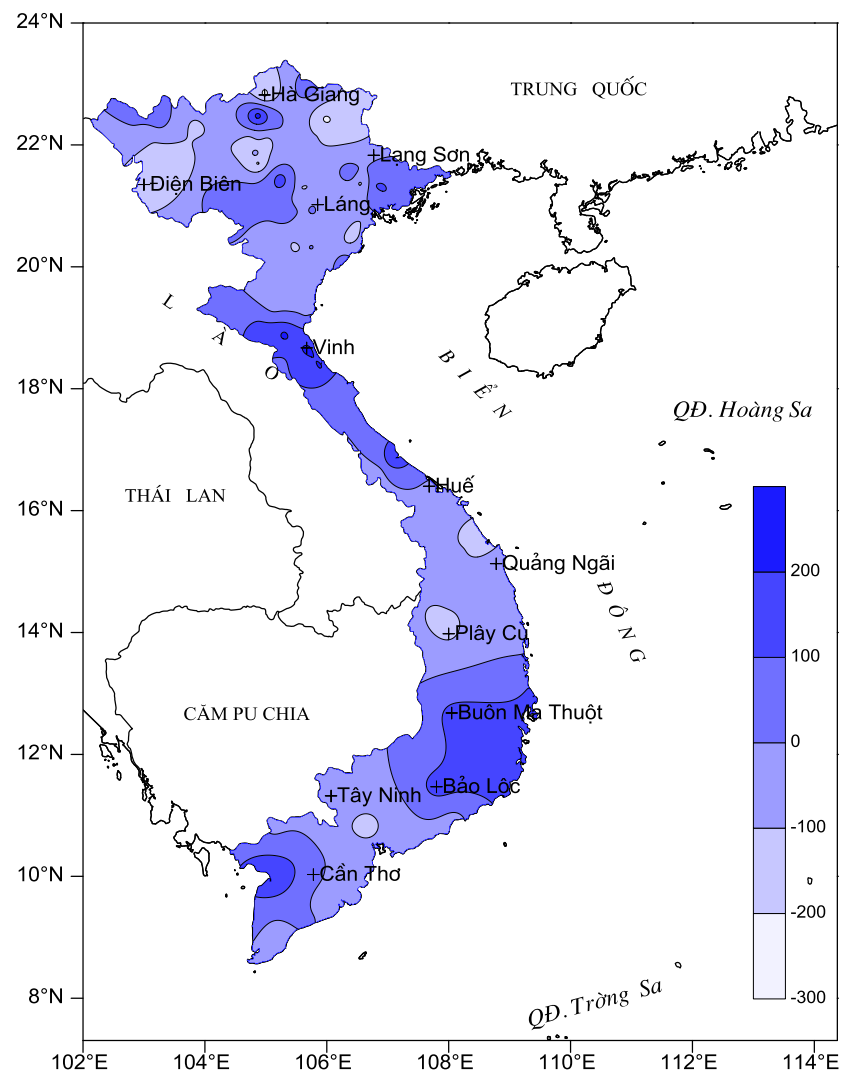
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VII, VIII, IX năm 2015;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VII năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;

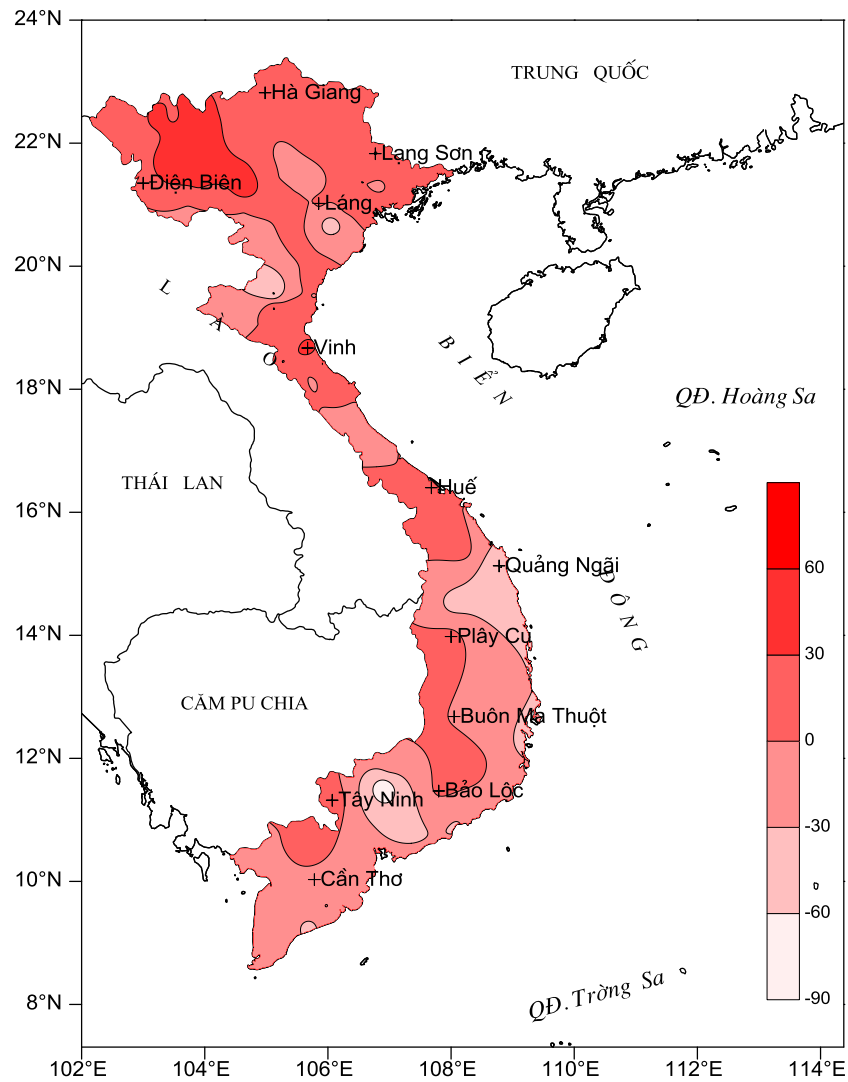
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VI năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



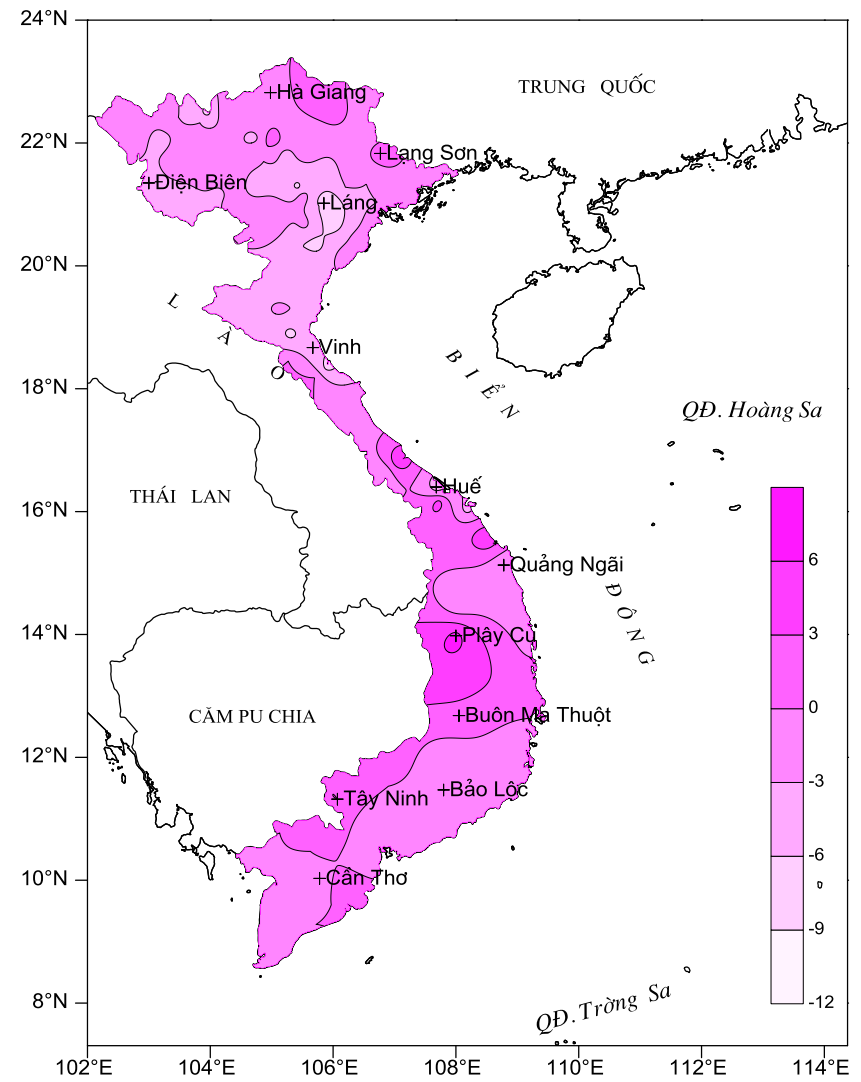
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2015 so với TBN ($^{\circ}\text{C}$)



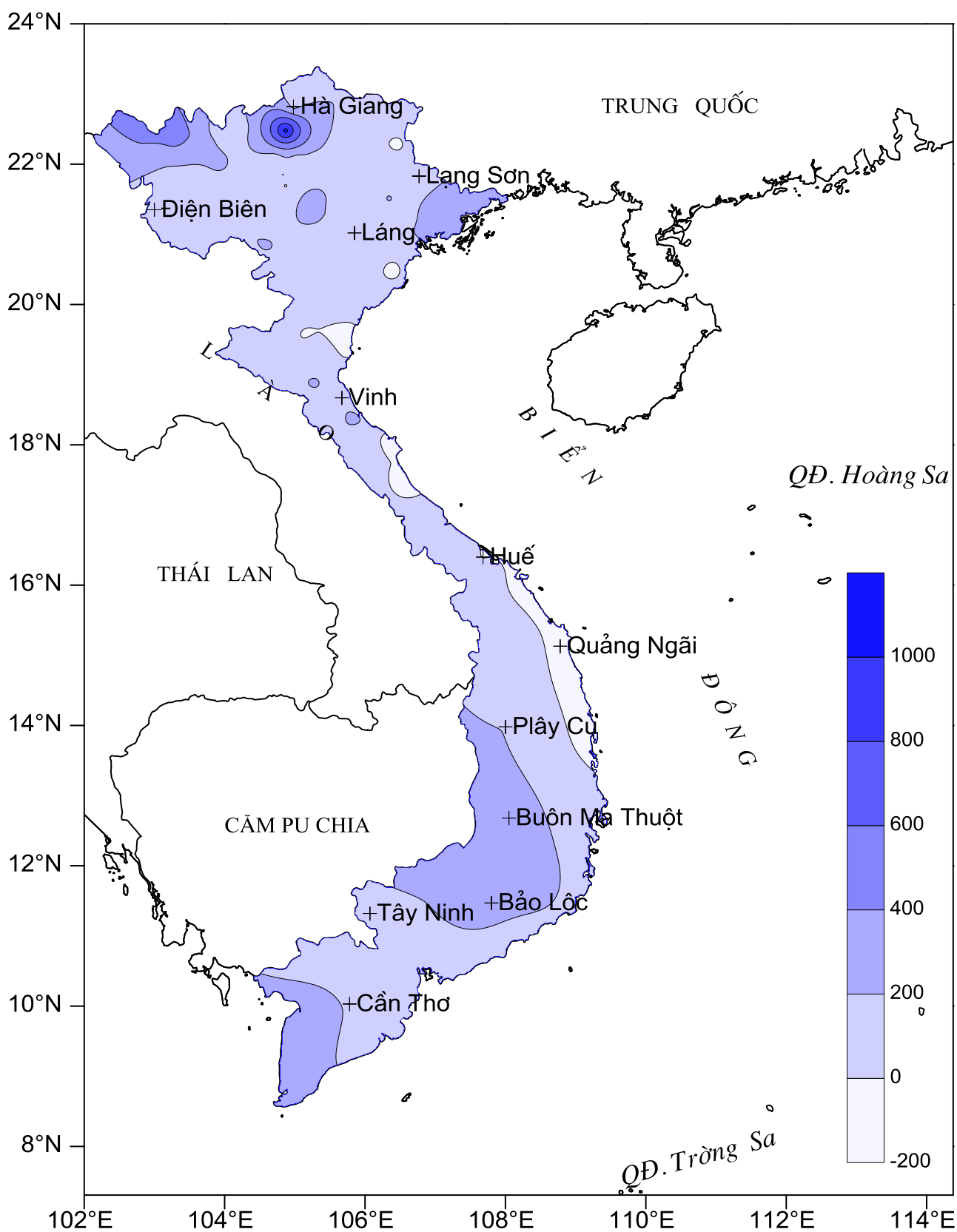
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2015 so với TBN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2015 so với TBN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2015 so với TBN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2015 (mm)